

BẢN TIN VỀ KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

Tháng 12

1. Tên nhiệm vụ: Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Bắc Nam Hà, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp

2. Ngày quan trắc: 11 – 12/12/2023

Ngày cung cấp TT: 13/12/2023

3. Tình trạng hoạt động của các công khi lấy mẫu:

STT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Tình trạng hoạt động của công
1	1	Công Như Trác	Công đóng.
2	2	Công Hữu Bị	Công mở.
3	3	Công Cốc Thành	Công đóng.
4	4	Công sông Chanh	Công đóng.
5	5	Công Nhâm Tràng	Công đóng.
6	6	Công Kinh Thanh	Công đóng.
7	7	Công Cổ Đàm	Công đóng.
8	8	Công Vĩnh Trị	Công đóng.
9	12	Đập An Bài (sông Châu Giang)	Công mở hé.
10	13	Đầu kênh CG16	Công mở.
11	16	Đập Vua (CG12)	Đập mở.

4. Tổng số vị trí các điểm quan trắc: 20 vị trí

5. Đơn vị thực hiện: Phòng Thí nghiệm và Tư vấn quản lý CLN, Môi trường – Viện Quy hoạch Thủy lợi

Người cung cấp thông tin: Trịnh Xuân Hoàng – Trưởng phòng

6. Đơn vị nhận thông tin: Cục Thủy lợi, Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Bắc Nam Hà, Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Hà Nam, Chi cục thủy lợi Hà Nam.

KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

Bảng tóm tắt:

Căn cứ theo các quy chuẩn: QCVN 08:2023 và số liệu khảo sát hiện trường sơ bộ nhận định về chất lượng nước tại các vị trí quan trắc theo các hạng như sau:

*A – Sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt, bơi lội, vui chơi dưới nước (sau khi áp dụng xử lý phù hợp): **Cống Như Trác, Cổng Hữu Bị, Cổng Nhâm Tràng.***

*B – Sử dụng cho mục đích sản xuất nông nghiệp, công nghiệp (sau khi áp dụng xử lý phù hợp): **Các vị trí đạt giới hạn trên, Cổng Cốc Thành, Cổng Kinh Thanh, Đầu kênh T3, Đầu kênh CG 16, Đầu kênh S48, Cầu Chủ (sông Châu Giang), Cầu Yên Trung (kênh Kinh Thủy), Đầu kênh C19 (Kênh tiêu sông Chanh).***

*C – Sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp (sau khi áp dụng xử lý phù hợp), không gây mùi khó chịu: **Các vị trí đạt giới hạn trên, Cổng Sông Chanh, Cổng Cổ Đam, Cổng Vĩnh Trị, Đầu kênh C9, Cầu đường 10 với sông Sắt, Đập An Bài (sông Châu Giang), Đập La Chợ, Đập Vùa (CG12), Đầu kênh T6.***

*D – Giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu nước chất lượng thấp: **Các vị trí đạt giới hạn trên.***

Bảng chi tiết:

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
<i>QCVN 08:2023 - A</i>			<i>6.5 – 8.5</i>			<i>≥ 6</i>					
<i>QCVN 08:2023 - B</i>			<i>6 – 8.5</i>			<i>≥ 5</i>					
<i>QCVN 08:2023 - C</i>			<i>6 – 8.5</i>			<i>≥ 4</i>					
<i>QCVN 08:2023 - D</i>			<i>< 6.0 hoặc > 8.5</i>			<i>≥ 2</i>					
1	Cổng Như Trác	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh Như Trác tưới cho khu vực Huyện Lý Nhân và phần Bắc huyện Bình Lục.	Trời nắng nhẹ, nhiệt độ 27°C, độ ẩm 71%, mật độ mây 68%, gió TB 12 km/h. Không có dòng chảy, cống vừa đóng lấy nước vào nội đồng. Trạm bơm không hoạt động. Nước màu vàng lục.	7.57	24.5	6.57	0.1	0.373	0.115	228	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A.
2	Cổng Hữu Bị	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh Hữu Bị tưới cho khu vực Huyện Mỹ Lộc và phần Bắc huyện Bình Lục.	Trời âm u, nhiệt độ 26°C, độ ẩm 72%, mật độ mây 71%, gió Nam 13 km/h. Dòng chảy vừa, cống mở, đang lấy nước vào nội đồng. Trạm bơm không hoạt động. Nước màu vàng đục.	7.77	31.6	6.97	0.2	0.412	0.155	278	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A.
3	Cổng Cốc Thành	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh	Trời âm u, nhiệt độ 27°C, độ ẩm 69%, mật độ mây 50%, gió TB 15 km/h.	7.35	22	5.67	0.3	0.381	0.149	373	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
		<i>QCVN 08:2023 - A</i>		6.5 – 8.5		≥ 6					
		<i>QCVN 08:2023 - B</i>		6 – 8.5		≥ 5					
		<i>QCVN 08:2023 - C</i>		6 – 8.5		≥ 4					
		<i>QCVN 08:2023 - D</i>		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
		Cốc thành tưới cho khu vực Huyện Vụ Bản.	Không có dòng chảy, cống đóng, mực nước ngoài sông cao hơn, trạm bơm không hoạt động. Thượng lưu cống có rác. Nước màu vàng lục.								B.
4	Công Sông Chanh	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh tiêu sông Chanh và tưới bổ sung cho khu vực Nam huyện Vụ Bản.	Trời âm u, nhiệt độ 27°C, độ ẩm 69%, mật độ mây 59%, gió TB 16 km/h. Không có dòng chảy, cống đóng, mực nước ngoài sông cao hơn, trạm bơm không hoạt động.	7.53	12.1	4.06	1.3	0.723	4.253	1580	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B.
5	Công Nhâm Tràng	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh tưới Nhâm Tràng, tưới cho Huyện Thanh Liêm và phần phía Bắc huyện Ý Yên, bổ sung	Trời âm u, nhiệt độ 28°C, độ ẩm 67%, mật độ mây 73%, gió TB 15 km/h. Không có dòng chảy, cống đóng, trạm bơm không hoạt động, mực nước nội đồng cao hơn. Nước màu vàng lục.	7.37	20.7	6.12	0.4	0.738	1.125	493	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A.

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
		<i>QCVN 08:2023 - A</i>		6.5 – 8.5		≥ 6					
		<i>QCVN 08:2023 - B</i>		6 – 8.5		≥ 5					
		<i>QCVN 08:2023 - C</i>		6 – 8.5		≥ 4					
		<i>QCVN 08:2023 - D</i>		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
		nước vào hệ thống cuối kênh Như Trác.									
6	Công Kinh Thanh	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh tưới, tưới cho Huyện Thanh Liêm.	Trời âm u, nhiệt độ 28°C, độ ẩm 65%, mật độ mây 71%, gió TB 15 km/h. Không có dòng chảy, cống đóng, mực nước ngoài sông cao hơn, trạm bơm không hoạt động. Nước màu xanh lục.	7.25	14.7	5.3	0.4	1.274	3.330	512	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức B.
7	Công Cỏ Đam	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh tưới Cỏ Đam, tưới cho Huyện Ý Yên.	Trời âm u, nhiệt độ 28°C, độ ẩm 65%, mật độ mây 71%, gió TB 15 km/h. Không có dòng chảy, cống đóng, trạm bơm không hoạt động. Mực nước ngoài sông cao hơn. Nước màu vàng lục.	7.37	14.7	4.43	0.3	1.228	1.193	479	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B.
8	Công Vĩnh Trị	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ	Trời âm u, nhiệt độ 27°C, độ ẩm 68%, mật độ mây 59%, gió TB 16	7.08	34.4	4.77	0.4	0.552	0.122	555	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
		<i>QCVN 08:2023 - A</i>		6.5 – 8.5		≥ 6					
		<i>QCVN 08:2023 - B</i>		6 – 8.5		≥ 5					
		<i>QCVN 08:2023 - C</i>		6 – 8.5		≥ 4					
		<i>QCVN 08:2023 - D</i>		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
		thống kênh tưới, tiêu kết hợp, tưới cho Huyện Ý Yên và Huyện Vụ Bản.	km/h. Không có dòng chảy, cống đóng, mực nước ngoài sông cao hơn, trạm bơm không hoạt động. Nước màu vàng đục.								không đạt mức B.
9	Đầu kênh T3	Đánh giá nhanh chất lượng nước trên kênh T3 là kênh trực tiếp nhận nước thải dọc thành phố Nam Định, nhưng vẫn sử dụng để cấp cho tưới qua trạm bơm Cốc Thành.	Trời âm u, nhiệt độ 27°C, độ ẩm 69%, mật độ mây 50%, gió TB 15 km/h. Dòng chảy chậm từ sông Chanh vào. Trên sông có bèo. Nước màu vàng lục.	7.37	19.8	5.35	0.5	0.730	0.142	626	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức B.
10	Đầu kênh C9	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống sông Chanh, tưới tiêu kết hợp cho huyện Ý Yên.	Trời âm u, nhiệt độ 27°C, độ ẩm 69%, mật độ mây 50%, gió TB 15 km/h. Dòng chảy chậm hướng ra sông Chanh. Có nhiều bèo trên mặt	7.92	18.2	4.79	2.8	0.404	6.660	3360	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B.

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
		<i>QCVN 08:2023 - A</i>		6.5 – 8.5		≥ 6					
		<i>QCVN 08:2023 - B</i>		6 – 8.5		≥ 5					
		<i>QCVN 08:2023 - C</i>		6 – 8.5		≥ 4					
		<i>QCVN 08:2023 - D</i>		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
			kênh. Nước màu vàng lục.								
11	Cầu đường 10 với sông Sắt	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống sông Sắt, tưới tiêu kết hợp cho phía Nam Huyện Ý Yên.	Trời âm u, nhiệt độ 27°C, độ ẩm 68%, mật độ mây 59%, gió TB 16 km/h. Dòng chảy rất chậm về hướng Vĩnh Trị. Cầu đường sắt đang sửa chữa. Nước màu vàng lục.	7.46	41.6	4.52	0.4	0.357	0.335	521	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B.
12	Đập An Bài (sông Châu Giang)	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống sông Sắt, tưới tiêu kết hợp cho Huyện Bình Lục.	Trời âm u, nhiệt độ 25°C, độ ẩm 82%, mật độ mây 57%, gió Nam 8 km/h. Dòng chảy chậm, cống mở hé, đang lấy nước vào sông Sắt. Nước màu vàng lục.	7.27	17.5	4.79	0.4	0.824	0.322	576	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B.
13	Đầu kênh CG 16	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh tưới tiêu kết hợp và nhận nước thải từ KCN Hòa Hậu.	Trời âm u, nhiệt độ 26°C, độ ẩm 72%, mật độ mây 71%, gió Nam 13 km/h. Dòng chảy chậm ra sông Châu Giang. Mục nước cạn, cống mở. Nước màu vàng lục.	7.29	22.9	5.3	0.7	1.134	3.308	875	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức B.

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
<i>QCVN 08:2023 - A</i>				6.5 – 8.5		≥ 6					
<i>QCVN 08:2023 - B</i>				6 – 8.5		≥ 5					
<i>QCVN 08:2023 - C</i>				6 – 8.5		≥ 4					
<i>QCVN 08:2023 - D</i>				< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
14	Đập La Chợ	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống, tưới tiêu kết hợp cho Huyện Mỹ Lộc.	Trời âm u, nhiệt độ 26°C, độ ẩm 72%, mật độ mây 71%, gió Nam 13 km/h. Dòng chảy rất chậm từ cống 3/2 về. Nước màu xanh lục.	7.16	22.7	4.36	0.3	0.357	3.758	415	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B.
15	Đầu kênh S48	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống tưới, tiêu nông nghiệp và khu vực làng nghề mây tre đan huyện Ý Yên.	Trời âm u, nhiệt độ 27°C, độ ẩm 68%, mật độ mây 59%, gió TB 16 km/h. Không có dòng chảy, nước đứng. Nước màu vàng đục.	7.42	17.6	5.42	0.8	1.181	3.555	1010	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức B.
16	Đập Vùa (CG12)	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống tưới cho Huyện Lý Nhân.	Trời nắng nhẹ, nhiệt độ 27°C, độ ẩm 78%, mật độ mây 68%, gió TB 12 km/h. Đập mở, dòng chảy chậm từ sông Châu Giang vào. Nước màu vàng lục.	7.02	24.9	4.6	0.4	0.645	0.110	555	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B.
17	Cầu Chủ (sông Châu	Vị trí ô nhiễm do nhận nước thải các huyện Bình Lục, Lý	Trời âm u, nhiệt độ 25°C, độ ẩm 82%, mật độ mây 61%, gió Nam 8 km/h.	7.06	35.4	5.06	0.2	0.692	0.126	343	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
		<i>QCVN 08:2023 - A</i>		6.5 – 8.5		≥ 6					
		<i>QCVN 08:2023 - B</i>		6 – 8.5		≥ 5					
		<i>QCVN 08:2023 - C</i>		6 – 8.5		≥ 4					
		<i>QCVN 08:2023 - D</i>		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
	Giang)	Nhân.	Dòng chảy chậm từ Hữu Bị về. Thượng lưu cầu có nhiều bèo. Nước màu vàng lục.								B.
18	Cầu Yên Trung (kênh Kinh Thủy)	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống tiêu Huyện Thanh Liêm. Vị trí ô nhiễm do nhận nước thải của huyện Thanh Liêm.	Trời âm u, nhiệt độ 28°C, độ ẩm 65%, mật độ mây 71%, gió TB 15 km/h. Không có dòng chảy, nước đứng. Nước màu vàng lục.	7.9	29.5	5.6	0.4	0.785	1.530	527	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức B.
19	Đầu kênh C19 (Kênh tiêu sông Chanh)	Đánh giá nhanh chất lượng nước thải từ KCN Bảo Minh, thành phố Nam Định với các ngành sản xuất: dệt, nhuộm, cơ khí, chế biến gỗ, đồ điện.	Trời âm u, nhiệt độ 27°C, độ ẩm 69%, mật độ mây 50%, gió TB 15 km/h. Không có dòng chảy, cống đóng, mực nước sông Chanh cao hơn. Nước màu vàng lục.	7.85	15.8	5.2	2.2	1.974	4.455	2650	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức B.
20	Đầu	Nước thải TP.	Trời âm u, nhiệt độ	7.02	15.1	4.91	0.6	0.575	1.485	814	Chỉ tiêu quan

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
		<i>QCVN 08:2023 - A</i>		6.5 – 8.5		≥ 6					
		<i>QCVN 08:2023 - B</i>		6 – 8.5		≥ 5					
		<i>QCVN 08:2023 - C</i>		6 – 8.5		≥ 4					
		<i>QCVN 08:2023 - D</i>		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
	kênh T6	Nam Định nhưng vẫn được sử dụng tưới cho khu vực huyện Vụ Bản.	27°C, độ ẩm 68%, mật độ mây 59%, gió TB 16 km/h. Không có dòng chảy, nước đứng, mực nước cạn. Nước màu vàng đục.								trắc hiện trường DO không đạt mức B.

Ghi chú:

QCVN 08:2023 Mức A: Chất lượng nước tốt. Hệ sinh thái trong môi trường nước có hàm lượng oxy hòa tan (DO) cao. Nước có thể sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt, bơi lội, vui chơi dưới nước sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

QCVN 08:2023 Mức B: Chất lượng nước trung bình. Hệ sinh thái trong nước tiêu thụ nhiều oxy hòa tan do một lượng lớn chất ô nhiễm. Nước có thể sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp, nông nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

QCVN 08:2023 Mức C: Chất lượng nước xấu. Hệ sinh thái trong nước có lượng oxy hòa tan giảm mạnh do chứa một lượng lớn các chất ô nhiễm. Nước không gây mùi khó chịu, có thể được sử dụng cho các mục đích sản xuất công nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

QCVN 08:2023 Mức D: Nước có chất lượng rất xấu, có thể gây ảnh hưởng lớn tới cá và các sinh vật sống trong môi trường nước do nồng độ oxy hòa tan thấp, nồng độ chất ô nhiễm cao. Nước có thể được sử dụng cho các mục đích giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu chất lượng nước thấp.

Hà Nội, ngày 13 tháng 12 năm 2023

VIỆN QUY HOẠCH THỦY LỢI